

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 105/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang tại công văn số 1550/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005 và công văn số 2587/UBND ngày 11 tháng 11 năm 2005 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 8918 BKH/TĐ&GSĐT ngày 23 tháng 12 năm 2005 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2006 - 2020 phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng đồng bằng sông Cửu Long và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước; bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là xóa đói, giảm nghèo; giữa phát triển sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; giữa

phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng; giữa phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm và tỷ trọng hàng hóa; tăng cường sản phẩm có hàm lượng chất xám cao thông qua phát huy vai trò của khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo tiền đề hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu đưa thu nhập bình quân đầu người tương đương mức thu nhập bình quân của Vùng và cả nước, nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI).

Tập trung đầu tư phát triển toàn diện và hoàn thành cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn Tỉnh trong thời kỳ Quy hoạch.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, huy động tối đa nội lực và thu hút các nguồn lực bên ngoài, phát triển nhanh khoa học - công nghệ, nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, phục vụ đời sống nhân dân và mở rộng xuất khẩu.

Thực hiện chiến lược con người thông qua phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - văn hóa - xã hội; xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, nhất là đồng bào vùng sâu và các đối tượng chính sách; tiếp tục thực hiện xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, đẩy lùi tệ nạn xã hội.

Đẩy nhanh việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp với giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Với lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, Hậu Giang có vai trò quan trọng về trung chuyển, luân chuyển và giao lưu kinh tế của tiểu vùng Tây Nam sông Hậu, Bắc bán đảo Cà Mau về các lĩnh vực phát triển nền nông nghiệp kỹ thuật cao, các dịch vụ đào tạo, y tế, vận tải hàng hóa, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, súc sản.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, quy mô đô thị theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tương đối tỷ trọng nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế. Xây dựng Hậu Giang trở thành tỉnh có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển toàn diện, xã hội văn minh, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh quốc phòng được giữ vững, phấn đấu trở thành tỉnh phát triển mạnh trong khu vực và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 12,6%/năm thời kỳ 2006 - 2010, 13,6%/năm thời kỳ 2011 - 2015, 14,4%/năm thời kỳ 2016 - 2020.
- Cơ cấu kinh tế :
 - + Giai đoạn 2006 - 2010 chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp;
 - + Giai đoạn 2011 - 2015 chuyển dần theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp;
 - + Giai đoạn 2016 - 2020 chuyển mạnh theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp (năm 2020, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng chiếm khoảng 40%, dịch vụ 48% và nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 12% GDP toàn Tỉnh).
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 942 triệu USD vào năm 2020, tăng bình quân 12,8%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 694 USD, năm 2015 đạt 1.214 USD và năm 2020 đạt 2.153 USD.

b) Về xã hội:

- Chỉ số HDI năm 2020 đạt 0,875.
- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở mức dưới 1% vào năm 2020.
- Hàng năm giải quyết việc làm cho 20.000 - 25.000 lao động, trong đó xuất khẩu lao động bình quân từ 2.000 - 3.000 người. Đến năm 2020 số lao động chưa có việc làm ổn định còn dưới 5%; giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn dưới 10% vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lên 99% năm 2020, trong đó hộ nông thôn 95%; tăng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch tập trung lên 87,4% vào năm 2020, trong đó hộ dân đô thị 100%, hộ nông thôn 80%.

- Phấn đấu trong giai đoạn 2010 - 2015 đạt những chỉ tiêu chủ yếu về định hướng phát triển giáo dục, đào tạo Vùng đồng bằng sông Cửu Long qua các chỉ tiêu: hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông (năm 2010), các tỷ lệ trẻ em vào nhà trẻ, mẫu giáo, học sinh trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, tỷ lệ học sinh được đào tạo trung học chuyên nghiệp. Thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực theo quy hoạch, đến năm 2020 số lao động được đào tạo so với lao động trong độ tuổi chiếm khoảng 41,6%.

- Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn dưới 10%.

- Phấn đấu đến năm 2020 đạt 98% gia đình văn hóa và trên 75% phường, xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa, góp phần quan trọng đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ

1. Vùng I (Vùng ven sông Hậu): diện tích tự nhiên 36.000 ha, dự kiến dân số đến năm 2020 tăng lên 387.000 người, mật độ dân số 1.075 người/km². Với lợi thế phát triển dọc theo quốc lộ I và sông Hậu, tiếp giáp với thành phố Cần Thơ, là địa bàn phát triển công nghiệp trọng điểm và dịch vụ.

2. Vùng II (Vùng trung tâm): diện tích tự nhiên 124.800 ha, dự kiến dân số đến năm 2020 tăng lên 615.000 người, mật độ dân số 493 người/km², là Vùng có khả năng phát triển nhanh theo hướng thương mại - dịch vụ và công nghiệp.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản

Phấn đấu giai đoạn 2006 - 2020 đạt mức tăng trưởng bình quân 6,6%/năm, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Hình thành các vùng chuyên canh cây trồng ổn định, đặc biệt là các loại cây trồng chủ lực: lúa, mía, khóm (dứa), cây ăn quả, thực hiện thâm canh, ứng dụng công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, nhằm tăng năng suất, sản

lượng, hạ giá thành và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển nhanh đàn heo, đàn bò lai sind, phục hồi đàn gia cầm, từng bước nghiên cứu, đưa vào chăn nuôi các vật nuôi có giá trị khác. Phát triển việc nuôi trồng, chế biến thủy sản nhằm phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương, giảm dần khai thác nội địa để bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

Gắn mục tiêu tăng trưởng nông nghiệp với xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới. Cải tiến hình thức quản lý, chuyển đổi mô hình khai thác Khu Bảo tồn thiên nhiên ngập nước Lung Ngọc Hoàng, trồng mới rừng tập trung, trồng cây phân tán ở những nơi có điều kiện. Xây dựng khu nông nghiệp kỹ thuật cao và phát triển mạnh các loại hình dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp gắn kết với việc bảo vệ môi trường sinh thái, tạo điều kiện phát triển bền vững.

2. Công nghiệp - xây dựng

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng các ngành công nghiệp - xây dựng thời kỳ 2006 - 2020 bình quân 15,2%/năm. Phát triển công nghiệp để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sắp xếp, củng cố các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có, ưu tiên đầu tư công nghệ mới, công nghệ nguồn, công nghệ sau thu hoạch.

Tập trung phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, nhằm chế biến và tiêu thụ hết nông, lâm, thủy sản cho nông dân. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, chiếm tỷ trọng lớn, thu hút nhiều lao động, sản xuất hàng xuất khẩu đã có như chế biến nông, thủy sản. Tăng nhanh tỷ trọng các ngành được xác định mũi nhọn trong thời kỳ quy hoạch như: cơ khí phục vụ nông nghiệp, vật liệu xây dựng, vật liệu mới, hàng tiêu dùng, da giày, dệt may...; tăng tỷ trọng những mặt hàng tinh chế, đồng thời từng bước gia tăng các sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; phát triển tiểu thủ công nghiệp, khôi phục các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống.

3. Các ngành dịch vụ

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước, thị trường nông thôn, phục vụ tiêu dùng và xuất